

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn Mai và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2322/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu:**

1. Anh **Vũ Thất T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Xóm Đ, thôn M, xã H, huyện K, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: Số K5/43C, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Chị **Từ Thị Tuyết H**, sinh năm 1996;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số K5/43C, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, chị H, anh T cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, chị H, anh T thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 09/9/2022. Chị H, anh T cùng cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của chị H, anh T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Anh Vũ Thất T và chị Từ Thị Tuyết H chung sống với nhau tự nguyện, có

đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2020, ngày 03/6/2020. Chị H, anh T xác định có 01 con chung là cháu Vũ Khánh M, sinh ngày 02/01/2021. Sau khi ly hôn chị H, anh T thống nhất để cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống chị H, anh T thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H, anh T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy chị H, anh T thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của chị H, anh T đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của chị H, anh T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị Tuyết H và anh Vũ Thất T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh T thỏa thuận giao con chung là Vũ Khánh M, sinh ngày 02/01/2021 cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H, anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Từ Thị Tuyết H và anh Vũ Thất T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị H, anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003870 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chị H và anh T đã nộp xong lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Huệ**